

Bản án số: 10/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 22 tháng 3 năm 2021  
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG LÔ, TỈNH VĨNH PHÚC**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Khương Đặng Khánh Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hưng
2. Ông Nguyễn Tiến Thuận

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa:*** Bà Hoàng Thị Thanh Hường - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2021, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Sông Lô xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 218/2020/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2021/QĐST - HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2021/QĐST- HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1991; Nơi ĐKKHKT: Thôn C, xã T, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt);

Bị đơn: Anh Phùng Văn M, sinh năm 1988; Nơi cư trú: Thôn C, xã T, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc; (vắng mặt);

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị kết hôn với anh Phùng Văn M ngày 17/10/2011, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Sông Lô. Trước khi kết hôn anh chị có được tự do tìm hiểu tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn chị về chung sống cùng gia đình anh M ngay. Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do trong quá trình chung sống anh M ăn chơi, đua đòi, không chịu khó làm ăn, có lối sống không lành mạnh và hiện đang bị nghiện ma túy dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn. Đến cuối tháng 10 năm 2020 thì chị về nhà mẹ đẻ ở tại thôn Đ, xã Đ, huyện Sông Lô và vợ chồng sống ly thân. Khi vợ chồng sống ly thân hai bên gia đình không giàn xếp được và vợ chồng không có biện pháp cải thiện tình cảm. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn đã trầm trọng nên chị đề nghị xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh M.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Phùng Tiến D, sinh ngày 02/11/2012 và hiện nay con đang ở cùng anh M và bố mẹ đẻ anh M. Ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu D và không đề nghị anh M phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị đang làm công nhân may tại công ty TNHH Lợi Tín Lập Thạch thu nhập khoảng từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng/tháng, chị xác định điều kiện kinh tế đủ đảm bảo nuôi con.

Về tài sản và các nghĩa vụ dân sự: Chị T không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phùng Văn M đã được Tòa án thực hiện việc niêm yết, tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh M không đến tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ, phiên hòa giải. Anh M cũng không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện đề nghị giải quyết ly hôn và nuôi con chung của chị T. Tại phiên tòa hôm nay anh M cũng vắng mặt mặc dù đã được tổng đạt giấy báo hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã xác minh tại UBND xã T đều xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng chị T anh M là trầm trọng, anh M hiện đang là đối tượng nghiện ma túy tại địa phương. Anh M vẫn thường xuyên có mặt tại địa phương, anh M có biết việc chị T xin ly hôn nhưng không đến Tòa án làm việc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và

tại phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng thì nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T đề nghị giải quyết ly hôn anh Phùng Văn M.

Về nuôi con chung: Chị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con là cháu D; Anh M không phải cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở

Về án phí: Chị T phải chịu theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa anh M vắng mặt lần thứ hai. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh M.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Phùng Văn M đăng ký kết hôn ngày 17/10/2011, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Sông Lô. là hôn nhân hợp pháp và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình vợ chồng chung sống theo chị T không được hạnh phúc do trong thời gian vợ chồng chung sống anh Minh ăn chơi, đua đòi, không chịu khó làm ăn, có lối sống không lành mạnh và hiện đang bị nghiện ma túy dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, chị và gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh M không thay đổi.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã T thể hiện mâu thuẫn giữa vợ chồng là trầm trọng. Xét tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh M đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị T xin ly hôn anh M là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Anh M biết việc mình được Tòa án triệu tập để giải quyết việc chị T xin ly hôn anh nhưng cố tình vắng mặt không đến Tòa án làm việc thể hiện anh M cố tình gây khó khăn cho chị T và không có mong muốn để vợ chồng về đoàn tụ. Căn cứ

khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Phùng Văn M.

[3] Về nuôi con chung: Chị T và anh M có một con chung là Phùng Tiến D, sinh ngày 02/11/2012. Chị T đề nghị được nuôi dưỡng cháu D và không đề nghị anh M phải cấp dưỡng nuôi con. Xét quan điểm của chị T về người trực tiếp nuôi con sau ly hôn thấy rằng hiện nay anh M đang là đối tượng nghiện ma túy, không có công việc cũng như thu nhập ổn định còn chị T hiện là công nhân với mức lương ổn định từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng và cháu D cũng có nguyện vọng được ở cùng chị T. Do vậy để đảm bảo sự phát triển toàn diện của cháu D nên đề nghị của chị T là phù hợp với thực tế và quy định pháp luật. Do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của chị T về người trực tiếp nuôi dưỡng con và không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản và các nghĩa vụ dân sự: Chị T không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; Điều 227; Điều 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Phùng Văn M.

2. Về nuôi con chung: Chị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con là Phùng Tiến D, sinh ngày 02 tháng 11 năm 2012, hiện nay cháu D đang ở cùng anh M và bố mẹ đẻ anh M. Anh M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con nếu họ lạm

dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: AA/2017/0009150 ngày 11/12/2020 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Sông Lô. Chị T đã nộp đủ án phí.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Sông Lô;
- Chi cục THADS huyện Sông Lô;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**  
(đã ký)

**Khương Đặng Khánh Hằng**

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án.  
Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ      THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Khương Đặng Khánh Hằng